

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST

Ngày: 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Tấn.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2020/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Tường D (D M), sinh năm 1993 tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp Đông Bình Nhất, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L (Liệp), sinh năm 1966.

Ngày 10/9/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 12/5/2020 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1994. (Có mặt).

Nơi cư trú: số 26/21, khóm Đ, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vũ Văn T, sinh năm 1974. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 585/47, khóm B, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 1243/63, khóm B, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Ông Đinh Hoàng N, sinh năm 1980. (Có mặt).

Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 14 tháng 07 năm 2019, sau khi uống rượu Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô biển số 68HB-2155 theo hướng từ ngọn Ba Dầu, phường Đ, thành phố X ra Quốc lộ 91. Khi đến đoạn trước cổng Trạm Y tế phường K tại tổ 51, khóm Bình Đức 2, phường Bình Đức thì M bị ngã xe. Lúc này, Nguyễn Tường D đang chơi game gần đó ra xem và lấy xe mô tô 68HB-2155 điều khiển chở M đến Trạm Y tế phường K. Sau đó, D lấy xe mô tô 68HB-2155 của anh M điều khiển đến tiệm cầm đồ Thanh Thảo ở khóm Bình Đức 3, phường Bình Đức cầm cho anh Vũ Văn Thêm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68HB-2155 và giấy chứng minh nhân dân của D với số tiền 300.000 đồng. Đến ngày 15 tháng 07 năm 2019, D đem xe mô tô biển số 68HB-2155 cầm cho anh T với số tiền 2.200.000 đồng. D khai sử dụng tiền cầm xe để chơi game và tiêu xài.

Đến khoảng 18 giờ ngày 14 tháng 07 năm 2019, anh M phát hiện xe mô tô bị mất và được anh Nguyễn Trung T cho biết D đang sử dụng xe của M nên M đến công an phường Bình Đức trình báo.

Kết luận về việc định giá tài sản số 353/KL.HD ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Long Xuyên, xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc, số máy P1P39FMB005794, số khung WCB013DP005794, biển số 68HB-2155, trị giá 4.876.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 72/CT.VKS ngày 21 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Tường D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tường D. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tường D từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đối với yêu cầu của ông Vũ Văn T, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 2.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giao trả cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tường D.

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại trình bày: Tài sản bị mất trộm là xe mô tô biển số 68HB- 2155 như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại đã nhận lại xe nên không yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng Đinh Hoàng N trình bày: xe mô tô biển số 68HB- 2155 do ông mua sử dụng, đến năm 2013 thì bán lại cho ông M nhưng không làm thủ tục sang tên.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T trình bày: do không biết xe mô tô biển số 68HB- 2155 là do bị cáo lấy trộm nên nhận cầm cho bị cáo với số tiền 2.500.000 đồng. Ông T đã giao lại xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Long Xuyên xử lý, nay yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền 2.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T và người làm chứng Nguyễn Trung T vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tường D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định, bị cáo đã lợi dụng lúc ông Nguyễn Văn M đang được điều trị tại Trạm y tế phường K do bị tai nạn xe không thể trông giữ xe mô tô, bị cáo thực hiện hành vi lén lút lấy xe mô tô biển số 68HB- 2155 trị giá 4.876.500 đồng đem đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và chơi game. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị

xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, là người đã trưởng thành và có khả năng lao động để tạo thu nhập nuôi sống bản thân nhưng vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài và chơi game, bị cáo đã lợi dụng tình trạng xe mô tô biển số 68HB- 2155 không ai trông giữ, thực hiện hành vi lấy trộm và mang đi cầm lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng .

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 2.500.000 đồng.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tường D (D M) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tường D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2020.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: giao trả cho bị cáo 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tường D theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên (2);
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang(1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Chi cục THADS TP Long Xuyên (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên